

LUẬN VỀ KINH PHẬT ĐỊA QUYỂN 6

Kinh: “Lại như thế giới là chỗ thọ dụng rộng lớn của các chúng sinh.

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai cũng thị hiện chúng hội của tất cả chư Phật, mưa cơn mưa pháp lớn để cho chúng sinh được tiếp nhận niềm vui của pháp lớn”.

Luận: Trong đoạn kinh này, Đức Như Lai đã chỉ rõ về tướng của nhân thọ dụng.

Như khí thế gian vì tùy thuộc vào nghiệp của hữu tình với sức tăng thượng của chủng tử trong tướng chung A-lại-da biến hiện sinh ra các thứ công cụ, tiền của hỗ trợ cho tướng chung, vì muốn cho hữu tình được thọ dụng rộng lớn.

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai giúp cho trí bình đẳng, làm tăng thượng duyên dẫn dắt phát trí Đại viên cảnh tương ứng với thức thanh tịnh, hiện thân thọ dụng cùng các chúng hội với uy đức nổi bật mà mưa cơn mưa pháp lớn, để cho các Đại Bồ-tát thuộc địa thượng được tiếp nhận pháp lạc lớn lao, đồng thời cũng hỗ trợ cho trí Thành sở tác của Như Lai, làm tăng thượng duyên, kích thích mở ra gương trí tương ứng với Thức thanh tịnh, thể hiện thân biến hóa các chúng hội với oai đức sáng chói, mưa cơn mưa pháp lớn để cho hàng địa tiền và các hữu tình giáo hóa được thọ dụng nguồn vui của giáo pháp.

Kinh: “Như năm cõi trên thế giới được tồn tại là địa ngục, nga quỷ, súc sinh, cõi người, cõi trời.

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai hiện rõ đầy đủ nhân quả vô biên và sự sai biệt của năm cõi.”

Luận: Trong đoạn kinh này, Đức Như Lai đã chỉ rõ về tướng của nhân sai biệt trong năm cõi. Nó tùy thuộc vào nghiệp lực của hữu tình với sức tăng thượng trong thế giới, chủng tử của tướng không chung

trong A-lại-da biến hiện sinh ra sự khác biệt về nhân quả của năm cõi đang tồn tại.

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai vì lấy nhân quả của năm cõi làm cảnh giới, cho nên giống như có sự khác biệt về hai tướng nhân quả của năm cõi biến hiện, không phải sinh ra các chủng loại bất định của năm cõi như A-tổ lạc, hoặc trời, hoặc ngạ quỷ, hoặc còn bằng sinh mà không nói riêng biệt.

Nhân năm cõi, nghĩa là thân Trung hữu làm phương tiện cho năm cõi. Cõi là nơi đến, vì thân Trung hữu có thể hướng đến, thuộc về không phải cõi. Căn cứ vào loài có sự sống mà kiến lập riêng biệt bốn loài, vì vậy thân Trung hữu cũng thuộc về loài có sự sống. Hữu trong nghĩa Trung hữu là phương tiện đi đến, cho nên gọi là Trung, tức là nói ở trong cõi.

Ở đây nói nhân là nghĩa của phiền não... còn quả là năm cõi.

Kinh: “Các cõi Dục-cõi Sắc, Vô sắc trong thế giới hiện hữu tồn tại. Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai, hiển hiện đầy đủ nhân quả vô biên và sự sai biệt của ba cõi”.

Luận: Trong này chỉ rõ về tướng nhân sai biệt của các cõi. Như tùy thuộc vào nghiệp lực của hữu tình, với sức tăng thượng trong thế giới, chủng tử của tướng chung và không chung trong thức A-lại-da biến hiện, nảy sinh sự khác biệt về nhân quả của ba cõi. Thế giới trong này là chung cho cả tình và phi tình. Nghĩa là thế giới hữu tình và khí thế giới. Nếu không như vậy thì trong thế giới ấy không cho nên có cõi Vô sắc, vì trong cõi này chỉ có định đã sinh ra sắc chứ không có nghiệp sinh cõi Sắc, không có phương hướng-xứ sở. Tùy thuộc vào duyên thích ứng mà kiến lập ba cõi trong ba đời. Nghĩa là trong khí thế giới chỉ có cõi Dục-cõi Sắc, cõi hữu tình và phi hữu tình.

Trong cõi hữu tình có đủ ba loại. Chỉ có cõi hữu tình lấy khí thế giới thâm nhiếp chung cho cả hữu tình và phi hữu tình, vì thế giới hữu tình chỉ có khả năng thâm nhiếp cõi hữu tình.

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai, lấy nhân quả của ba cõi làm cảnh giới, giống như sự sai biệt về hai tướng nhân quả của ba cõi được biến hiện rõ ràng, chứ không phải sinh ra nhân quả của ba cõi giống như trước.

Hai loại phân biệt. Ở đây ý nói: Vì trí Diệu quán sát có thể quán sát bao trùm hết thấy cảnh, bao trùm sự sống của tất cả các giới, tức là cõi đã chiêu cảm do nghiệp-phiền não..., với các hành thành thực, tiếp nhận tướng nhân quả của tâm-tâm pháp..., biến hiện. Nghĩa là trí

Đại viên cảnh của các Như Lai được sức tăng thượng đã sinh ra trí Diệu quán sát. Tuy không có năng duyên và sở duyên, nhưng đã xa lìa hai chướng, là nhân của hết thảy phiền não và sở tri quán sát tất cả các sự kiện nhân quả..., và có thể nói như chiếc gương tròn sạch hiện lên mọi ảnh tượng, tất cả ảnh tượng đều hiện rõ trong gương, nhưng gương trí không có lỗi sai biệt.

Trí Đại viên cảnh, đều không ngu tối đối với mọi việc. Tuy có khả năng hiện rõ tất cả ảnh tượng, tùy ý chuyển biến, nhưng mà không hề phân biệt. Trí này có khả năng hiện bày tất cả cảnh tượng cũng có phân biệt. Nếu không phân biệt thì không thể quán sát sự kiện nhân quả..., và giảng nói pháp để dứt bỏ sự nghi ngờ của chúng hội.

Đoạn văn này chứng minh một cách xác định: Tâm vô lậu..., cũng có đối tượng. Trên trí Như Lai, vô biên nhân quả của ba cõi và năm đường đều hiển hiện đầy đủ.

Có thuyết nói: Vì trí của Như Lai rất sáng suốt và thanh tịnh, cho nên tất cả cảnh tượng dù hiện bày trong trí, nhưng cảnh tượng này không phải là trí đã biến hiện, vì không thanh tịnh, mà chỉ là do tâm..., của chúng sinh đã biến hiện ra ảnh tượng của các pháp.

Nhận thức ấy không đúng, vì nếu ảnh tượng này là điều đã được nhận biết mà tâm..., của chúng sinh đã biến hiện ra thì tại sao lại hiện rõ trên trí Phật? Không thể nào từ nhân khác mà sinh tâm khác, nó mâu thuẫn với lý chân chánh, như tướng của tâm khác.

Đây cũng như vậy, nhưng cảnh tượng này là do tâm vô lậu của Như Lai biến hiện. Như ảnh tượng của phần cấu uế trong gương sáng, tuy giống như không sạch, nhưng thật ra không phải là không sạch. Tâm và tâm pháp duyên vào cảnh của pháp như vậy. Nếu duyên vào cảnh khác thì không phải, như cây kim-chiếc đèn không động tác, chỉ vì tính chất của gương sáng vốn trong sạch, cho nên biến hiện giống như cảnh tượng, nhưng có thể duyên vào sự lo nghĩ. Nếu các cảnh tượng không phải là ảnh hiện của tâm-tâm pháp thì như năm căn..., cũng không gọi là đối tượng. Như chỗ khác nêu bày, trí không phân biệt cũng nhất định như vậy. Đối tượng là Chân như không xa lìa Thế trí, cho nên không thể xác định như vậy. Trí thế tục-hậu đắc tuy không duyên vào Chân, vì có phân biệt, mà không chứng ngộ được Thế chân, chỉ tự biến thành tướng Chân duyên vào không có. Như các phàm phu khác, tâm duyên vào tâm vô lậu, hết thảy cảnh tượng vô lậu, tuy giống như vô lậu nhưng thật sự là hữu lậu. Đây cũng như vậy. Đạo lý Duy thức đã quyết định như vậy: Tướng được biến hiện do tâm, tuy có giống nhau, nhưng thật ra

thì không có tự Thế. Nếu không như vậy thì phải có sắc..., như tâm-tâm pháp cũng không xa lìa các sự tương ứng với sắc..., kia, gọi là cảnh của Duy thức là trở thành lỗi lầm lớn.

Kinh: “Như núi chúa Đại Bảo Tô-mê-lô..., trong thế giới, tồn tại hiện rõ. Trí Diệu quán sát của Như Lai, với oai thần của chư Phật và Bồ-tát đã dẫn phát giáo pháp thâm diệu rộng lớn, có thể hiện hữu”.

Luận: Trong đoạn kinh này, Đức Như Lai đã chỉ rõ về tướng của nhân hàng phục giặc oán. Như khí thế gian do sức tăng thượng trong nghiệp của các chúng sinh mà phát sinh các biển cả, không thể lay động.

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai, do các hữu tình chiêu cảm được sức tăng thượng của nghiệp tạo chánh pháp, cho nên khởi hiện giáo của pháp giới không thể lay động. Pháp giới ở đây là lý Không-Vô tướng. Nói lý pháp giới tức là giáo của pháp giới.

Các ngoại đạo..., đều dựa vào các kiến chấp vào lý Không của pháp giới. Để đối trị với các kiến chấp đó, là xa lìa mọi lĩnh vực kiến chấp. Vì vậy đối với giáo pháp về Không, họ không thể lường xét. Họ không thể lay động trước giáo pháp của oai thần. Vì oai thần cao rộng, cho nên nói dụ về núi báu. Giáo của pháp giới này là pháp giới rất sâu xa, cho nên ví dụ về biển cả. Vì trí Diệu quán sát là nhân tố có thể soi rõ tất cả cảnh, có thể khởi sự giảng nói tất cả giáo pháp.

Lược nêu về sự thù thắng, cho nên Khế Kinh: Phật-Thế Tôn được gọi là mặt trời trí vĩ đại, vì có khả năng soi sáng khắp hết thấy các pháp.

Kinh: “Lại như thế giới được vây bọc xung quanh do vòng núi lớn-nhỏ.

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai không hề ngu tối, dù bị vây bọc do tất cả tự tướng, cộng tướng”.

Luận: Ở đây chỉ rõ về tướng của nhân đoạn trừ tất cả nghi ngờ. Như khí thế giới, một ngọn núi Diệu Cao có đến bảy đại kim sơn, tám biển cả và bốn châu lớn... Thâu nhiếp bên ngoài có vòng núi nhỏ với nhiều lớp bao quanh. Như vậy là một mà nhân thành đến ngàn. Lại nữa, toàn bộ bên ngoài có vòng núi kế tiếp, bao bọc nhiều lớp chung quanh, gọi là Tiểu thiên thế giới. Như vậy là một lại tính đếm đến ngàn.

Lại toàn bộ bên ngoài, có vòng núi tiếp theo nhiều lớp vây bọc chung quanh, gọi là Trung thiên thế giới. Như vậy, là một lại tính đếm đến ngàn. Toàn bộ bên ngoài có vòng núi lớn nhiều lớp vây bọc chung quanh, có phong luân vĩ đại duy trì tổng quát ở phía dưới, gọi là ba ngàn

đại thiên thế giới. Như vậy, gọi là được bao bọc do các vòng núi lớn-nhỏ.

Như vậy, trí Diệu quán sát của Như Lai, đã nhận biết khắp hết thấy tự tướng-cộng tướng, có thể đoạn trừ tất cả sự ngờ vực sai lầm và ngu muội đối với tự tướng-cộng tướng của thế gian, là nhân của ngờ vực sai lầm trong khi nhận biết tự tướng, cộng tướng. Trí Diệu quán sát không có cái ngu đó. Chính mình không hoài nghi, sai lầm thì mới có thể cắt đứt được mối nghi ngờ của người khác.

Trí Đại viên cảnh vĩnh viễn xa rời hai chướng, cho nên không ngu tối. Tất cả tự tướng, cộng tướng đều có khả năng sinh ra trí này, thấu nhiếp trí ấy cho nên gọi là vây quanh.

Gương trí tuy có khả năng nhận biết được tự tướng-cộng tướng của hết thấy pháp, không hề phân biệt, nhưng không có khả năng nói pháp để đoạn tuyệt sự nghi ngờ của người khác. Trí này có khả năng nhận biết, có sự phân biệt cho nên có thể nói pháp để chấm dứt sự nghi ngờ của mọi người.

Lại nữa, Thể của trí này có thể nhận rõ tự tướng, cộng tướng của các pháp. Nó được vây quanh do hai hành tướng: Hành tướng của tự tướng như vòng núi nhỏ, và hành tướng của cộng tướng như vòng núi lớn. Gương trí có khả năng duy trì, như gió duy trì ở phần dưới. Trí thanh tịnh của Như Lai thuộc về hiện lượng, làm sao có thể nhận biết được tướng chung của các pháp? Nếu cảnh của tướng chung được nhận biết bằng hiện lượng thì tại sao hai lượng lại dựa vào hai tướng để thành lập?

Có nghĩa: Vì hai lượng kia ở phần vị của tâm tán loạn, cho nên dựa vào hai tướng để thành lập, chứ không nói ở phần vị của định. Nếu ở tâm định mà duyên với tất cả tướng thì đều thuộc về hiện lượng.

Có nghĩa: Tâm định chỉ duyên vào tự tướng, nhưng vì phương tiện của tướng chung đã dẫn phát, duyên vào các tướng chung, lý đã được sáng tỏ. Căn cứ theo phương tiện mà nói, gọi là nhận biết được tướng chung. Ngược lại, là nhận biết tự tướng. Do đạo lý này, hoặc nói Chân như gọi là tướng chung của các pháp Không-Vô ngã, hoặc nói hai loại Không mà Chân như đã làm sáng tỏ không phải là tướng chung.

Nghĩa như thật: Luận Nhân Minh kia thành lập tự tướng và tướng chung so với đây có khác đôi chút.

Nhân Minh nói nghĩa thật trên tất cả pháp, đều gọi là tướng chung, vì tự tướng và tướng chung trên các pháp đều dựa vào Thể của mình, không dựa chung với Thể khác. Nếu tâm phân biệt thiết lập một chủng

loại gồm năng thuyên và sở thuyên, thì thông suốt ở các pháp, như dây khâu hoa, gọi là tướng chung. Tướng chung này chủ yếu do tâm tán loạn, phân biệt giả lập là cảnh của tỷ lượng. Tất cả tâm định xa lìa sự phân biệt này, đều gọi là hiện hượng. Mặc tuy duyên vào các pháp khổ-vô thường..., nhưng mỗi pháp đều có các pháp riêng cho nên gọi là tự tướng. Chân như tuy là tướng chung đã sáng tỏ, vì nó là tự tánh chân thật của các pháp, tự có tướng nhưng nó cũng không phải là tướng chung. Không thể vì tướng chung đó cùng với tất cả pháp không một-không khác mà gọi là tướng chung. Tự tướng cũng cùng với tất cả tướng chung không một-không khác, vì vậy luận kia nói, trên các pháp vốn có nghĩa thật, đều gọi là tự tướng. Kinh này không như vậy cho nên không mâu thuẫn nhau.

Kinh: “Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Sinh, trí Thành sở tác...”.

Luận: Trí Thành sở tác, nên biết! Thành lập Hóa thân của Như Lai. Hóa này lại có ba loại:

1. Thân hóa.
2. Ngữ hóa.
3. Ý hóa.

Thân hóa lại có ba loại:

1. Hóa hiện thân thông.
2. Hóa hiện thọ sinh.
3. Hóa hiện nghiệp quả.

Ngữ hóa cũng có ba loại:

1. Ngữ hóa chúc mừng, an ủi.
2. Ngữ hóa phương tiện.
3. Ngữ hóa biện luận, tán dương.

Ý hóa lại có bốn loại:

1. Ý hóa quyết định lựa chọn.
2. Ý hóa tạo tác.
3. Ý hóa phát khởi.
4. Ý hóa lãnh thọ.

Trí Thành sở tác có thể khởi hiện tác Dụng hành hóa của ba nghiệp như vậy. Ba nghiệp giáo hóa này chính là Hóa thân.

Cho nên biết trong Hóa thân này, lấy Dụng để làm sáng tỏ cho Thể, chứ không phải ba nghiệp này chính là Thể của trí, mà chỉ là tướng phần được hiện bày trên trí. Hoặc do sức nơi tăng thượng duyên của trí sở tác kích phát gương trí tương ứng với Thức thanh tịnh, khiến hiện lên tác dụng hành hóa của ba nghiệp như vậy cho nên tự nó cũng có khả

năng hiện bày. Phải biết rằng bốn trí, mỗi trí đều có thể phát sinh tất cả tác dụng.

Căn cứ vào phần nhiều và mạnh mẽ, cho nên nói trí Bình đẳng tánh khởi hiện thân thọ dụng, trí Thành sở tác khởi hiện thân biến hóa, trí Diệu quán sát thì quán sát tất cả tự tướng và tướng chung của các môn Đà-la-ni, Tam-ma-địa..., trí Đại viên cảnh có thể hiện bày ảnh tượng của tất cả các pháp. Như mỗi mỗi căn nhận lấy tất cả cảnh, không phải là không có tác dụng mạnh mẽ.

Đây cũng như vậy, lời văn trong đoạn kinh này chứng minh quyết định: Ba nghiệp của tâm-tâm pháp..., đều có biến hóa. Trên trí của Đức Như Lai hiện lên tất cả công đức của tướng thô trong tâm-tâm pháp..., này khiến cho các phần vị dưới có thể biết rõ hiện thực. Nếu không như vậy, thì hàng phàm phu, Nhị thừa làm thế nào biết được? Đức Như Lai hiện có công đức khác biệt của tâm-tâm pháp..., tại sao Như Lai đã thành Phật lâu rồi, lại còn hiện làm các loại hóa thân với đủ cả tham-giận...? Kinh khác cũng nói: Hóa ra vô lượng loại đều khiến có tâm. Lại nữa, nói Hóa thân, cũng gọi là có tâm, cũng gọi là không có tâm. Có tâm dựa vào kẻ khác, không có tâm tự dựa vào mình, nghĩa là dựa vào tâm thật, hiện ra tâm Biến hóa, nhưng tâm thật ở trên tướng phần, giống như có tác dụng duyên vào suy nghĩ... Như lửa trong gương không có tự thể riêng biệt, mà tùy thuộc vào các duyên mới phát sinh, như các tâm còn lại, ở chỗ khác, dù nói là không có các tâm Biến hóa vì không có tác dụng thật, nhưng các tâm như thật biến hóa ra các sắc là có tác dụng thật. Như các sắc thật cho nên nói riêng là có. Do tướng thô của các tâm Biến hóa hiện rõ dễ nhận biết, cho đến loài vượn khỉ cũng biết được tâm của Như Lai. Nếu tâm thật của Phật thì các Đại Bồ-tát cũng không thể hiểu được.

Kinh: “Như các chúng sinh siêng năng cố gắng trong nghiệp của thân, do đó các chúng sinh ấy hưởng đến, mong cầu những việc lợi ích cho nên họ siêng năng trong các nghề nông, phụng sự vua...”

Như vậy, trí Thành sở tác của Như Lai, thân siêng năng với nghiệp hóa hiện, do đó Như Lai thị hiện các loại phương tiện khéo léo ở mọi nơi chế ngự các chúng sinh kiêu mạn. Do diệu lực của phương tiện thiện xảo ấy dẫn dắt các chúng sinh khiến cho họ thâm nhập Thánh giáo, được thành thực và giải thoát”.

Luận: Trong đoạn kinh này chỉ rõ Như Lai hóa hiện thân thông với tướng của nghiệp Thân hóa.

Khiến tâm dũng mãnh cho nên gọi là siêng năng, cố gắng, nhận

lấy sự luôn tinh tiến trong tánh thiện, ngoài ra chỉ là tác ý. Do đó phát sinh thân nghiệp siêng năng, cố gắng.

Vì căn cứ theo nhân mà đặt tên. Do thân nghiệp này mà hữu tình thế gian đã tạo cho nên ba nghiệp chân chánh. Chữ đẳng (là cùng chọn lấy những việc xen lẫn còn lại).

Trí Thành sở tác tương ưng với tinh tiến, khởi hiện nghiệp Hóa thân. Do nghiệp Hóa thân này mà khi còn làm Bồ-tát, Như Lai đã thị hiện đủ loại sự việc và nơi chốn khéo léo như thợ gốm... Đây là tướng của thân nghiệp được biến hiện trên trí, vì muốn khuất phục kẻ kiêu mạn về kỹ thuật, cho nên biến hiện sự việc ấy, bằng phương tiện khéo léo, tức là Từ Bi-trí tuệ bình đẳng, chuyển hóa đạo là trước, rồi mới hiện bày thân thông. Lúc đầu khiến cho chúng sinh phát sinh niềm tin tưởng, cho nên gọi là dẫn dắt chúng sinh khiến cho họ thâm nhập Thánh giáo, như hiện thân thông hóa độ Ca-diếp... Sau đó, làm cho họ điều phục, tùy thuận, mà có thể tiếp nhận giáo pháp, gọi là thành thực, điều dắt khiến cho nuôi lớn các thiện căn. Về sau, giúp họ giải thoát khỏi đường ác nơi ba cõi, dù có chủng tánh hay không, vẫn theo thứ tự đó, cho nên gọi là giải thoát.

Do năng lực giáo hóa, kẻ có chủng tánh giúp họ sinh vào Thánh đạo, giải thoát khỏi ba cõi. Còn kẻ không có chủng tánh thì khiến cho họ tu tập việc thiện nơi thế gian, sẽ được sinh vào đường thiện, giảng chánh pháp giúp cho thiện căn đó phát triển mong thoát khỏi ba cõi. Lại phóng ánh sáng chấm dứt đau khổ, an lập đường thiện cứu giúp.

Lại khiến cho họ phát sinh các tuệ, Văn-Tư-Tu theo thứ tự ba câu.

Lại khiến cho họ nảy sinh tâm thuận theo phần giải thoát, tùy thuận phần lựa chọn và sinh vào Thánh đạo, theo thứ tự ba câu.

Lại khiến cho họ hội nhập kiến đạo-tu đạo và đạo Vô học là ba câu theo thứ tự.

Giải thích cho nên tùy theo tướng như vậy mà nói, các phần sau cũng vậy.

Kinh: “Lại nữa, như thân nghiệp thọ dụng của chúng sinh do đó chúng sinh thọ dụng các loại cảnh giới như sắc... Như vậy, trí Thành sở tác của Như Lai tiếp nhận nghiệp hành hóa của thân. Do đó, Như Lai đã đi các loại sinh xứ của các chúng sinh, thị hiện cùng loại sinh nhưng mà thuộc ngôi vị tôn quý. Chính vì sự thị hiện cùng loại sinh, cho nên đã nhiếp phục được tất cả các chúng sinh thuộc loại khác, lại dùng năng lực của phương tiện khéo léo, dẫn dắt các chúng sinh đi vào Thánh đạo,

đạt được thành thực và giải thoát”.

Luận: Đoạn này chỉ rõ sự hóa hiện thọ sinh trong tướng của nghiệp Thân hóa.

Hữu tình thế gian đối với các sinh xứ, tùy các căn tiếp nhận cảnh giới như sắc của họ..., cho nên gọi là thân thọ dụng. Vì có vận chuyển, cho nên gọi là nghiệp thân.

Ở tất cả sinh xứ, trí Thành sở tác đồng thời hiện sinh trong cảnh giới thọ dụng. Nghĩa là hiện bày Hóa thân tại tất cả sinh xứ trong cõi trời-người, thị hiện cùng loại sinh ở chủng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, thuyết phục các loài thấp kém khiến cho họ được lợi ích yên vui. Đây cũng là tướng của thân nghiệp được biến hiện trên trí, hoặc kích thích gương trí, hoặc tự hiện rõ. Các trường hợp khác cũng như vậy.

Kinh: “Lại như chúng sinh lãnh thọ nghiệp thân. Do đó chúng sinh lãnh thọ quả báo của nghiệp thiện-ác đã gây tạo.

Như vậy, trí Thành sở tác của Như Lai, nhận lãnh nghiệp hành hóa của thân. Do vậy, Như Lai thị hiện lãnh thọ các hành khó tu tập của bản sự- bản sinh, dẫn dắt các chúng sinh bằng năng lực của phương tiện khéo léo ấy, khiến cho họ tiến vào Thánh giáo đạt được thành thực và giải thoát”.

Luận: Trong đoạn này nói rõ về sự hóa hiện nghiệp quả trong tướng của nghiệp Thân hóa. Thân tức là nghiệp cho nên gọi là thân nghiệp. Vì quả của nghiệp trước, cho nên quả nói theo tên của nhân. Hoặc khi thân lãnh thọ quả của nghiệp trước, vì có sự vận chuyển tác dụng, cho nên gọi là thân nghiệp. Do nghiệp thân này lãnh thọ nghiệp trước mà quả có đáng ưa thích hay không đáng ưa thích.

Trí Thành sở tác biến hiện giống như Hóa thân lãnh thọ nghiệp hành hóa. Do nghiệp này cho nên thị hiện, tiếp nhận các hành khó tu tập của tất cả bản sự-bản sinh.

Các sự việc khác hiện có tương ứng với đời trước gọi là bản sự. Sự khác biệt về chủng loại đã thọ sinh từ đời trước, gọi là bản sinh. Như tất cả sự kiện bản sinh của Tỳ-thấp-phạn-đất-la... Dựa vào bản sinh này, trước kia đã tu hành các loại khổ hạnh, gọi là khó tu hành. Hoặc ở đời này, dựa vào thân biến hóa, trước đây tu tập khổ hạnh, về sau bỏ cách tu đó, tu theo cách trung đạo mới chứng Bồ-đề, gọi là khó tu hành. Vì các chúng sinh cho rằng phải tu tập khổ hạnh, dứt ác, tu thiện mới chứng đắc Bồ-đề, mong muốn hóa độ họ cho nên trước hết Như Lai thị hiện giống với họ, tu tập các hạnh khổ để thể hiện rằng không phải chỉ có giữ giới là được trong sạch, mà cần phải do định và tuệ, mới được thanh

tịnh.

Đức Như Lai thị hiện từ bỏ việc tu tập khổ hạnh mà tu tập theo trung đạo mới được Bồ-đề. Có Khế Kinh: Vào đời quá khứ, thời Phật Ca-diếp, Như Lai đã có lời quả trách thế này: Nơi nào có Sa-môn cạo bỏ râu tóc, mà có đạo Đại Bồ-đề? Vì Bồ-đề vô thượng rất khó có được. Do nghiệp ác đó cho nên nay phải chịu quả báo hành những việc khổ như vậy.

Lời nói này cũng là vì muốn chấm dứt hành ác mà hiện hóa những tạo tác. Nếu không như vậy thì làm gì có Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, đã từng được thân cận phụng sự vô lượng Như Lai, gieo trồng tánh vốn có của các thiện căn, do nhớ lại những việc mình đã làm từ kiếp trước, mà vụt khởi lên hành ác bằng lời nói nặng như vậy. Phải biết rằng Đức Phật nói lên lời này là mong muốn hóa độ. Cho nên người nghe lời này mà được hóa độ, khiến cho đối với Đức Phật mà xa lìa lời nói ấy.

Kinh: “Lại như ngữ nghiệp của chúng sinh nói lời chúc mừng an ủi. Do đó chúng sinh lần lượt luận đàm, an ủi, chúc tụng lẫn nhau.

Như vậy, trí Thành sở tác của Như Lai, với lời chúc mừng tốt đẹp là nghiệp Ngữ hóa. Do nghiệp này, cho nên Đức Như Lai đã tuyên dương các pháp tùy theo sự ưa thích của mọi người, với văn nghĩa mâu nhiệm khéo léo, dù các chúng sinh trí nhỏ hẹp, nhưng vừa nghe qua mà vẫn tin tưởng, dùng diệu lực của phương tiện khéo léo ấy mà dẫn dắt các chúng sinh tiến vào Thánh giáo, đạt được thành thực và giải thoát”.

Luận: Ở đây là chỉ rõ về ngữ hóa chúc mừng an ủi trong tướng của nghiệp Ngữ hành hóa. Chúc mừng, an ủi tức là chỗ sai biệt của sự vui mừng. Lời nói có thể phát sinh các điều ấy, cho nên gọi là chúc mừng, an ủi. Vì nghe lời nói này, mọi người đều lần lượt phát sinh hoan hỷ lớn. Nghĩa là các hữu tình do sức tăng thượng của tâm mà phát ra lời nói, đều là tướng của nghiệp ngữ được biến hiện trên thức khác biệt của mỗi chúng sinh, làm tăng thượng duyên, khiến cho các thức khác biến hiện giống như tướng của nghiệp ngữ, đều cho rằng nghe lời nói của người khác mà cảm thấy vui mừng.

Trí Thành sở tác hóa tạo nghiệp ngữ, cho nên biết cũng như vậy. Tự hóa hiện ra tiếng nói vi diệu khiến cho tâm người khác thay đổi, nghĩa là nghe lời Phật nói mà lòng mình cảm thấy hoan hỷ.

Tùy theo pháp mà họ ưa chuộng là tùy theo năng lực trong nhân tố của chúng sinh mà họ ưa nghe. Người, Trời và ba Thừa có pháp khác nhau.

Văn khéo léo vi diệu, là chữ và câu văn rất sáng tỏ tuyệt vời để

lôi cuốn người nghe.

Nghĩa khéo léo mầu nhiệm, là nghĩa rất sâu xa và phân minh dễ hiểu.

Những chúng sinh trí tuệ nhỏ hẹp mới nghe mà vẫn tin, là vì tiếng nói của Phật có đủ sáu mươi đức. Các hàng phàm phu ngu tối dù mới nghe qua hãy còn tin hiểu, huống là những người thông minh hẳn tịệp khác.

Trí Thành sở tác gọi là an ủi chúc mừng; vì nó có khả năng biểu hiện lời nói giáo hóa, tuyên thuyết tất cả văn nghĩa mầu nhiệm khéo léo, làm nảy sinh tâm hoan hỷ của các hữu tình, cũng có thể gia bị cho các chúng sinh khéo thể hiện..., vì ngôn âm của Phật diễn nói pháp thâm diệu thật khó lường xét.

Như vậy, trí này có thể gia bị cho người khác.

Tất cả luận là tất cả các loại sắc cho đến hư không, cũng có khả năng phát sinh lời nói giáo hóa giảng nói pháp. Cho nên biết việc này là không thể nghĩ bàn được.

Kinh: “Lại như nghiệp ngữ phương tiện của chúng sinh, do đó các chúng sinh lần lượt chỉ dạy, truyền trao nghề chuyên môn đã làm, như chê bỏ điều ác, ca ngợi việc thiện, dùng mệnh lệnh triệu tập nhau lại.

Như vậy, trí Thành sở tác của Như Lai đã khởi hiện phương tiện trong nghiệp ngữ biến hóa. Do vậy, Như Lai đã thiết lập học xứ chân chánh, chê trách mọi sự phóng dật, ca ngợi đức không phóng dật.

Hơn nữa, Như Lai còn kiến lập hạnh tùy tín khiến cho người theo pháp mà hành trì dùng diệu lực của phương tiện khéo léo ấy mà dẫn dắt chúng sinh khiến cho họ tiến vào Thánh giáo, đạt được thành thực và giải thoát”.

Luận: Đoạn kinh này chỉ rõ về Ngữ hóa phương tiện trong tướng của nghiệp ngữ hành hóa. Như phương tiện trong nghiệp ngữ của chúng sinh ở thế gian, lại cùng chỉ bảo cho nhau về chuyện nên làm hay không nên làm, những lợi ích cho bạn bè thân thuộc.

Đối với chúng sinh sống buông thả thì phải giúp sức cho họ làm thiện, cho nên gọi là phương tiện.

Như vậy, do tâm Đại Bi vì các hữu tình mà Như Lai thiết lập học xứ, khuyên bảo dẹp bỏ mọi điều ác, tu tập việc thiện của thế gian, xây dựng từng phần vị khác nhau của Thánh đạo, khiến cho chúng sinh tiến vào chánh đạo mà thoát khỏi ba cõi.

Trí Thành sở tác của Như Lai có thể phát sinh ngữ hành hóa, làm xong việc này, nghĩa là chấm dứt mọi điều ác, phát sinh các việc thiện.

Đây là tác dụng của lời nói.

Kinh: “Lại như chúng sinh mở rộng nghiệp ngữ bằng tranh luận, vì vậy chúng sinh lần lượt chỉ bày những chỗ nghĩa chưa hiện rõ (Bất liễu nghĩa) bằng cách đọc các luận.

Như vậy, trí Thành sở tác của Như Lai hiện bày nghiệp Ngữ hóa biện luận. Do vậy, Như Lai đã đoạn trừ vô lượng điều nghi hoặc của các chúng sinh. Nhờ diệu lực của phương tiện khéo léo này mà dẫn dắt, các chúng sinh khiến cho tiến vào Thánh giáo, đạt được thành thực và giải thoát”.

Luận: Đoạn kinh này chỉ rõ về Ngữ hóa biện luận tán dương trong tướng của nghiệp ngữ hành hóa.

Trí Thành sở tác tùy theo chỗ khác nhau về sự ưa thích của các chúng sinh mà hiện khởi nghiệp ngữ biến hóa, nói các loại nghĩa đoạn tuyệt mọi sự nghi hoặc. Nghĩa là phát ra một âm, biểu thị tất cả nghĩa, khiến cho các hữu tình tùy theo loại đều được lợi ích. Như Khế Kinh: Phật dùng một âm thanh diễn nói các pháp, chúng sinh tùy theo chủng loại đều được mở bày hiểu rõ, hoặc có kẻ sợ hãi, hoặc có người hoan hỷ, hoặc nảy sinh tư tưởng nhằm chán, hoặc lại đoạn tuyệt hoài nghi. Đây là bản nguyện của Như Lai đã dẫn phát diệu lực không thể nghĩ bàn mà phát khởi ngữ biến hóa: Một âm có thể đoạn trừ tất cả mọi sự nghi ngờ. Nếu thực hiện với Hóa thân thì cũng khiến cho chúng sinh cùng một Thể chất mà thấy khác nhau về sự thành tựu việc lợi lạc.

Kinh: “Lại như chúng sinh với nghiệp ý quyết định lựa chọn. Vì vậy chúng sinh quyết định lựa chọn điều cho nên làm và điều không cho nên làm.

Như vậy, trí Thành sở tác của Như Lai với ý quyết định lựa chọn nghiệp giáo hóa. Do vậy, Như Lai đã quyết định lựa chọn sự khác nhau trong tám vạn bốn ngàn tâm hành của chúng sinh. Dùng sức mạnh của phương tiện khéo léo này mà dẫn dắt, các chúng sinh khiến cho tiến vào Thánh giáo, đạt được thành thực và giải thoát”.

Luận: Trong đoạn kinh này chỉ rõ về ý hóa quyết định lựa chọn trong tướng của nghiệp ý biến hóa. Trí Thành sở tác tương ứng với nghiệp ý, có thể khởi hiện biến hóa, cho nên gọi là nghiệp ý biến hóa.

Nghiệp ý biến hóa này có thể quyết định lựa chọn sự sai biệt của tám vạn bốn ngàn tâm hành trong chúng sinh được giáo hóa. Hoặc lại hiện rõ nghiệp ý biến hóa tương tự trong tướng phần của trí này, có khả năng quyết định lựa chọn tám vạn bốn ngàn tâm hành của chúng sinh,

khuyến cho họ biết rõ có được nghĩa-lợi thù thắng.

Thế nào là tám vạn bốn ngàn tâm hành? Nghĩa là sự khác nhau trong tám vạn bốn ngàn các hành của tâm, và những cấu uế của trần lao nơi chúng sinh. Tâm hành này có khả năng gây chướng ngại cho tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật, môn Đà-la-ni, Tam-ma-địa... Như đã nói rộng về các tướng Ba-la-mật đó trong kinh Hiền Kiếp. Nghĩa là đầu tiên tu tập thực hành pháp Ba-la-mật, cho đến sau cùng phân bố Ba-la-mật-đa của thân Phật gồm có ba trăm năm mươi, mỗi mỗi phần thân Phật đều có đủ sáu pháp đến bờ kia.

Như vậy, tổng cộng có hai ngàn một trăm pháp đối trị ($6 \times 350 = 2100$). Phần tham lam-giận dữ- si mê và phần cùng có trong tâm hành của hữu tình chính là tám ngàn bốn trăm. Trừ ra bốn đại chủng và sáu thức không có nghĩa mà sinh ra lỗi lầm. Mười lần biến chuyển hợp lại thành số tám vạn bốn ngàn tâm hành. Vì tu tập tâm hành này cho nên lại thành tựu được tám vạn bốn ngàn môn Đà-la-ni và Tam-ma-địa... Đây hãy còn nói giản lược, nếu nói rộng hơn là vô lượng.

Kinh: “Lại như chúng sinh gây tạo nghiệp ý, vì vậy chúng sinh gây tạo vô số các nghiệp đã khởi hiện.

Như vậy, trí Thành sở tác của Như Lai, đã tạo thành nghiệp ý giáo hóa. Do đó, Như Lai quán sát việc làm của các chúng sinh đã làm, có làm và không làm, hoặc được, hoặc mất để khiến cho họ nhận lấy hoặc từ bỏ.

Như Lai đã tạo ra pháp đối trị. Dùng sức mạnh của phương tiện khéo léo này mà dẫn dắt chúng sinh khiến cho tiến vào Thánh giáo, đạt được thành thực và giải thoát”.

Luận: Đoạn kinh này chỉ rõ về ý hóa tạo tác trong tướng của nghiệp ý biến hóa. Tùy theo mà quán sát việc làm của tất cả hữu tình đã làm. Nếu các hành ác không làm thì có được, nếu làm thì có mất. Nếu các hành thiện, làm thì có được, không làm thì có mất.

Quán sát như vậy là muốn giúp cho chúng sinh nhận lấy cái được, bỏ đi cái mất. Đối với cái được tạo tác thì gìn giữ là pháp đối trị, đối với cái mất mà gây tạo thì dùng pháp đối trị là xa lìa.

Trí Thành sở tác tương ứng với nghiệp ý có khả năng khởi hiện biến hóa, cho nên gọi là nghiệp ý biến hóa. Tuy các Đức Như lai không còn dụng công đối với tất cả mọi việc, nhưng khiến cho tâm chúng sinh cùng biến hiện tựa như có tạo tác, cho nên gọi là tạo tác. Hoặc là hiện có nghiệp giống như ý biến hóa trong tướng phần của trí ấy có thể quán sát những việc làm được-mất của tất cả hữu tình-khiến cho họ biết rõ

có được nghĩa-lợi thù thắng.

Kinh: “Lại như chúng sinh phát khởi nghiệp ý. Vì vậy chúng sinh phát khởi các nghiệp.

Như vậy, trí Thành sở tác của Như Lai phát khởi nghiệp ý biến hóa. Do đó, vì muốn tuyên thuyết các pháp đối trị với nghiệp ý của họ, Như Lai đã làm sáng tỏ danh từ-câu văn, bài văn mà các chúng sinh ưa chuộng. Dùng sức mạnh của phương tiện khéo léo ấy mà dẫn dắt các chúng sinh khiến cho họ tiến vào Thánh giáo đạt được thành thực và giải thoát”.

Luận: Trong đoạn kinh này chỉ rõ về ý hóa phát khởi trong tướng của nghiệp ý biến hóa.

Trí Thành sở tác tương ứng với nghiệp ý, có thể phát khởi hai nghiệp thân và ngữ, căn cứ theo dụng mà nói là phát khởi nghiệp ý. Hoặc ý nghiệp này do trí phát khởi cho nên gọi là phát khởi ý nghiệp, vì có khả năng giáo hóa, hoặc tướng phần của trí hiện bày giống ý nghiệp kia. Nghiệp ý biến hóa này vì muốn tuyên thuyết các pháp đối trị với ý nghiệp kia, nghĩa là nói pháp đối trị với các hành động của hữu tình.

Pháp đã giảng nói này là lấy danh từ-câu, chữ-bài văn làm tự tánh, cho nên làm sáng tỏ danh từ-câu-chữ-bài văn. Đức Như Lai tùy theo sự việc mà các hữu tình ưa thích, vì họ giảng nói danh từ-bài văn..., khiến họ cảm thấy mến thích để phát sinh đối trị. Đó là hiện rõ nghiệp ý biến hóa trong tướng phần trên trí Thành sở tác của Như Lai, phát sinh danh từ-bài văn..., diễn nói pháp đối trị các nghiệp của hữu tình. Do năng lực ấy, khiến cho tự tâm của các hữu tình biến hiện giống như pháp mà Phật đã giảng nói, vì vậy họ nảy sinh sự ái mộ sâu xa phát sinh đối trị, cho nên gọi là phát khởi nghiệp ý.

Kinh: “Lại như chúng sinh nhận lãnh nghiệp ý. Vì vậy chúng sinh nhận lãnh mọi thứ khổ-vui. Như vậy, trí Thành sở tác của Như Lai tiếp nhận nghiệp giáo hóa của ý. Do vậy, Như Lai đối với những sự việc xác định-không xác định-hỏi lại-thiết lập ghi nhận hay ghi nhận riêng biệt mà tùy theo sự thích hợp của chúng sinh tiếp nhận các nghĩa của quá khứ- vị lai và hiện tại. Dùng sức mạnh của phương tiện khéo léo ấy mà dẫn dắt chúng sinh, khiến cho họ tiến vào Thánh giáo, đạt được thành thực và giải thoát”.

Luận: Trong đoạn kinh này chỉ rõ về ý hóa tiếp nhận trong nơi tướng của nghiệp ý biến hóa. Thọ tương ứng với tư duy, có thể làm động tâm khiến cho cảm nhận khổ-vui, cho nên nói là tiếp nhận nghiệp ý.

Trí Thành sở tác tương ứng với tư duy cho nên có thể khởi hiện

giáo hóa, gọi là nghiệp ý biến hóa. Nghiệp ý biến hóa hiện bày trong tướng phân của thành sở tác trí gọi là nghiệp ý hành hóa.

Đối với bốn loại ghi nhận-hỏi và ghi nhận riêng biệt tùy theo những điều thích hợp biết rõ ràng tất cả các câu hỏi đúng như thật rồi, tiếp nhận nghĩa lý về lô lượng các pháp trong ba đời và biết rõ ràng đúng như thật. Mỗi tự thể đều nhận biết đúng như thật rồi, tùy theo sự thích hợp mà ghi nhận riêng biệt tất cả không có gì trái ngược.

Nói bốn loại ghi nhận là:

1. Ghi nhận toàn bộ.
2. Ghi nhận phân biệt.
3. Ghi nhận hỏi lại.
4. Ghi nhận bằng im lặng mà gác lại.

Ghi nhận toàn bộ là như có người hỏi: Tất cả sự sống chắc chắn là tiêu mất chẳng? Phật, Pháp, Tăng bảo là ruộng phước tốt đẹp chẳng? Các câu hỏi như vậy, cần phải ghi nhận toàn bộ, vì nghĩa này là quyết định”.

Ghi nhận phân biệt là như có người hỏi: Mọi thứ tiêu mất thì chắc chắn được sinh ra lại không? Phật-Pháp-Tăng bảo chỉ có một chẳng? Với những câu hỏi như vậy, cần phải phân biệt ghi nhận, vì nghĩa này không nhất định”.

Ghi nhận hỏi lại là như có người hỏi: Bồ-tát mười địa là cao hay thấp? Phật-Pháp-Tăng bảo là hơn hay kém? Với những câu hỏi như vậy cần phải ghi nhận và hỏi lại: Ông muốn hỏi gì?

Ghi nhận bằng im lặng mà gác lại như có người hỏi: Tánh thật có của ngã là thiện hay là ác? Con của Thạch nữ màu đen hay trắng? Với những câu hỏi như vậy cần phải im lặng mà gác lại không cần phải ghi nhận vì chỉ là hý luận dài dòng.

Nên biết rằng trong này thân-ngữ nghiệp giáo hóa, hoặc tương ứng với tự thân, hoặc tương ứng với thân người khác, hoặc không tương ứng với nghiệp biến hóa của ý, hoặc chỉ tương ứng với mình và người. Bởi vì nghiệp này chính là giải thích ba loại thần biến, là thần biến về thần thông-thần biến về khuyên dạy và thần biến về ký thuyết.

Nghiệp biến hóa này của Phật đối với tất cả chúng loại luôn luôn đi theo không thể nghĩ bàn được, bởi vì tác dụng và số lượng cõi nước sai biệt không thể nghĩ bàn. Vì công dụng lợi ích cho hữu tình luôn vận chuyển không ngừng cho nên không thể nghĩ bàn được. Tất cả Như lai dùng ba loại hóa nghiệp, vì muốn thành thực cho hữu tình là đầu tiên, cho nên gọi là phương tiện thiện xảo bậc nhất.

Do đó, Khế Kinh: Phật Thế Tôn gọi là vị thuốc đại trí, có thể chữa lành tất cả bệnh phiền não.

Kinh: “Bấy giờ, Đại Bồ-tát Diệu Sinh bạch Phật: Thế Tôn! Chỉ một mình Như Lai ở trong pháp giới thanh tịnh thọ dụng hòa hợp một vị theo trí, các Bồ-tát cũng có thể thực hiện được như vậy? Phật bảo Bồ-tát Diệu Sinh: Bồ-tát cũng có khả năng thọ dụng hòa hợp một vị theo trí”.

Luận: Nay dựa vào sự thọ dụng, hòa hợp một vị theo trí để hỏi.

Trước đây, biện luận về Phật địa chỉ nói về Thế pháp giới thanh tịnh của Như Lai chỉ là một vị. Gương trí..., của Phật ở trong sự thọ dụng hòa hợp một vị không hề hành động và không hề tạo tác. Bồ-tát Diệu Sinh có ý ngờ vực về điều này, là chỉ có Như Lai hay cũng chung cho cả Bồ-tát, vì thế nêu lên câu hỏi này. Hoặc trước kia chỉ nói có năm loại pháp thâm nhiếp quả vị Đại giác. Thế của pháp giới thanh tịnh chỉ là một vị. Gương trí dựa vào pháp giới ấy mà duyên hợp, dựa vào pháp giới ấy mà sinh khởi, không có phân biệt, cho nên cũng chỉ có một tướng. Trí Bình đẳng tánh duyên chung cả Chân như, lia hai phân biệt, cũng chỉ có một tướng. Hai trí còn lại vì làm lợi ích cho chúng sinh, cũng dựa vào Chân như, không phân biệt riêng khác, cũng chỉ có một tướng.

Như vậy, chỉ có Phật thọ dụng hòa hợp một vị theo trí, cho nên không chung với quả vị khác. Vì muốn biết chắc chắn cho nên đặt ra câu hỏi này.

Trong này đã nói, đối với pháp giới thanh tịnh thì sự thọ dụng hòa hợp một vị theo trí đủ chứng tỏ rằng, nơi khác không có sự thọ dụng hòa hợp một vị theo trí. Có thể thọ dụng những gì thích ứng thọ dụng hòa hợp một vị trong cảnh giới Chân như cho nên gọi là thọ dụng. Cùng chung một việc cho nên gọi là hòa. Tuy cùng một việc nhưng có lúc lại ly biệt là vì biểu hiện trong đó thường không ly biệt. Lại nói hợp cùng năng duyên và sở duyên, bình đẳng và bình đẳng tuyệt đối hòa hợp không ly biệt.

Vị có nghĩa là chắc thật, tức là sở thọ dụng và sở duyên cùng một vị Chân như của pháp giới.

Sự nghĩa là dụng sự. Trí tức là trí của năng thọ dụng, đích thực nhận lấy gương trí và trí Bình đẳng tánh, nhận lấy cả hai trí còn lại, vì phần nhiều duyên vào Chân như. Hoặc một vị là trí của năng thọ dụng không phân biệt. Sự là quả, duyên vào pháp giới thanh tịnh mà sinh khởi. Hoặc năng thọ dụng tức là xả thọ, không khổ-không vui mà bình đẳng một loại, cho nên gọi là một vị. Sự là quả. Chính quả này tương ứng với trí viên cảnh..., do năng lực của quả đó nảy sinh cho nên gọi là

quả kia. Hoặc là hành xả không có tướng công dụng, bất cứ ở đâu cũng một vị mà chuyển biến.

Trí của năng thọ dụng gọi là trí sự. Hoặc là trí tự có thể lãnh thọ Thể của mình, cho nên gọi là thọ dụng. Hai loại mình-người vì không có phân biệt cho nên nói là một vị. Sự là quả là thuận theo các nhân duyên, xa lìa hai tướng, mà luôn luôn chuyển biến mãi.

Bồ-tát cũng có thể như vậy, trong này nói thọ dụng hòa hợp một vị theo sự trí không phải riêng một mình Như Lai.

Nếu các Bồ-tát cũng có thể như vậy thì tại sao chỉ nói có năm loại pháp thâm nhiếp quả vị Đại giác? Ở đây ý nói, Phật địa chỉ thuộc về năm pháp mà không nói năm pháp chỉ có năm pháp này thâm nhiếp không nói là năm pháp chỉ thâm nhiếp Phật địa, mà cũng có thể thâm nhiếp các địa Bồ-tát.

Kinh: “Bồ-tát Diệu Sinh lại bạch Phật: Những Bồ-tát nào được thọ dụng hòa hợp một vị theo sự-trí?. Phật bảo Bồ-tát Diệu Sinh: Bồ-tát chứng được pháp Nhãn vô sinh. Do Bồ-tát kia từ trong pháp Vô sinh, lúc đạt được Nhãn giải đã đối trị hai tướng. Vì loại trừ hai loại tướng về mình-người cho nên tâm được bình đẳng. Từ đó trở lên các Bồ-tát kia, ý tướng phân biệt về mình-người không còn hiện tiền nữa, được thọ dụng hòa hợp một vị theo sự-trí”.

Luận: Vì chỉ rõ Bồ-tát chưa chứng được pháp Nhãn vô sinh của Đại thừa, hoặc Bồ-tát còn trú trong công dụng có đạo gia hạnh, cho nên chưa có thọ dụng hòa hợp một vị theo sự-trí.

Lại hỏi: Những Bồ-tát nào được thọ dụng hòa hợp một vị theo sự-trí?

Đáp: Đó là Bồ-tát đã chứng được pháp Nhãn vô sinh. Nghĩa là Bồ-tát từ địa thứ nhất trở lên, chứng được hai Không, đã hiện bày Chân như, quán sát tất cả pháp trong biển kế sở chấp với bản tánh không sinh, cũng không diệt, xưa nay vắng lặng yên tĩnh là tự tánh Niết-bàn, cho nên được thọ dụng hòa hợp một vị theo sự-trí, chẳng phải như hàng Nhị thừa kiến đạo-hiện quán, chỉ chứng Sinh Không mà hiển bày được Chân như, chứ chưa chứng Pháp Không để hiển bày về Chân lý chưa có năng lực hiện quán các pháp bình đẳng để thọ dụng hòa hợp một vị theo trí-sự. Bồ-tát địa tiền cũng chưa có thể chứng ngộ, chưa thấy được Chân như hòa hợp một vị vì trí Bình đẳng tánh chưa hiện hành.

Có thuyết cho là: Từ, Bồ-tát địa thứ nhất trở lên lại có ba loại:

1. Mới phát tâm là ở địa thứ nhất, đã vào Kiến đạo chánh tánh ly sinh, tâm chân vô lậu bắt đầu hiện hành.

2. Đã tu hành: Nghĩa là sáu địa trên đã được Tu đạo vì tu hành tinh tiến.

3. Không thối chuyển, nghĩa là ba địa trên, Tu đạo đã viên mãn, xa rời các công dụng, không còn đạo gia hạnh, tự nhiên hiện tiền, tất cả phiền não hoàn toàn không còn dấy khởi, mỗi mỗi niệm đều tinh tiến thù thắng, không còn thoái chuyển.

Ở đây, chỉ chọn lấy từ tám địa trở lên, quán sát tất cả pháp xưa nay không sinh, hiện tại cũng không khởi, được Nhẫn bậc thượng luôn luôn thanh tịnh, luôn phát khởi vô lậu, chuyển biến tự nhiên. Vì được như vậy cho nên nói là chứng được pháp Nhẫn vô sinh. Như Khế Kinh: Tám địa trở lên, các chúng Bồ-tát đã tách lìa tướng pháp, cho nên không có ngã và ngã sở. Quán sát tất cả pháp không phải là thường mà vô thường-không sinh-không khởi, mình-người đều bình đẳng. Cho đến nói rộng. Do được đối trị hai tướng tự nhiên, bất cứ ở đâu đều có tâm bình đẳng.

Từ đây trở lên vì đã lìa hai tướng, tách khỏi các công dụng và gia hạnh, luôn luôn vô lậu, rất thanh tịnh, cho nên trí không còn phân biệt mà đã được tự tại, chuyển biến tự nhiên, mới được gọi là thọ dụng hòa hợp một vị theo sự-trí.

Bồ-tát địa thứ nhất tuy đã chứng được bình đẳng giữa mình và người, nhưng vẫn còn có dụng công, tác ý gia hạnh, vì chưa thanh tịnh cho nên chưa kiến lập.

Kinh: “Bồ-tát Diệu Sinh lại bạch Phật: Ngưỡng mong Như Lai nói rộng bằng thí dụ, để cho các Bồ-tát đều ngộ được nghĩa rất sâu xa, tùy theo duyên mà giáo hóa, tuyên dương rộng rãi truyền bá khắp nơi khiến cho chúng sinh được nghe, đều mau chứng ngộ pháp Nhẫn vô sinh”.

Luận: Bồ-tát Diệu Sinh muốn cho nghĩa trên được sáng tỏ, dễ nhận thấy nhờ cách thí dụ để sau khi nghe pháp này, các Bồ-tát đạt được nghĩa rất sâu xa, chứng được nhẫn vô sinh, cho nên lại thỉnh hỏi.

Kinh: “Phật bảo Bồ-tát Diệu Sinh: Ví như trời Ba mươi ba chưa đi vào khu rừng tạp, cho nên cuối cùng không thể thọ dụng sự hòa hợp đối với sự, hoặc cảm nhận về vô ngã, ngã sở. Nếu vào rừng tạp thì không còn phân biệt mà tùy ý thọ dụng, do khu rừng tạp ấy có đức như vậy, có khả năng khiến cho chư Thiên đi vào khu rừng này thì thọ dụng hòa hợp đối với quả báo của các cõi trời, hoặc sự- hoặc cảm nhận, không có gì tư duy.

Như vậy, nếu chưa chứng được pháp Nhẫn vô sinh thì Bồ-tát rất cuộc không có khả năng đạt được tâm bình đẳng và xả bình đẳng, cho

nên không có gì khác biệt với tất cả Thanh văn-Độc giác, vì còn có hai tướng. Bồ-tát đó không thể an trú trong sự thọ dụng hòa hợp một vị theo sự-trí. Nếu đã chứng được pháp Nhẫn vô sinh và vì trừ hết hai tướng mà đạt được tâm bình đẳng thì sẽ khác với Thanh văn-Độc giác.

Nhờ có tâm bình đẳng, mà có thể an trú buông xả, thọ dụng hòa hợp một vị theo sự-trí”.

Luận: Trời Ba mươi ba có một khu rừng tạp, hiện ra do sự hòa hợp trong năng lực phước báo của chư Thiên, khiến chúng chư Thiên không cư ngụ ở khu rừng này, vì sự cảm nhận khổ vui ở cung điện hơn kém đều khác nhau, vì còn có sự thọ dụng sai biệt của ngã và ngã sở.

Nếu ở khu rừng này thì hoặc sự-hoặc cảm nhận đều không có hơn kém, đều cùng chung một vị Vô ngã-ngã sở tuyệt vời nhất hòa hợp thọ dụng có thể khiến cho bình đẳng. Vì hòa hợp thọ dụng cho nên gọi là rừng tạp.

Đây là do chư Thiên đều tu tập bình đẳng, do sức tăng thượng hòa hợp của nghiệp phước, làm cho thức A-lại-da của chư Thiên kia biến hiện ra khu rừng này đều cùng nơi cư trú, cùng lúc và cùng một tướng trạng.

Do sức tăng thượng của khu rừng này khiến cho chuyển thức của các trời kia cũng cùng biến hiện, tuy cùng thọ dụng nhưng họ cho là không khác biệt.

Như vậy, Bồ-tát địa tiền và hàng Nhị thừa, chưa chứng được hai Không để hiển bày Chân như cùng pháp Nhẫn vô sinh, còn có chấp khác nhau về Kiến đạo đoạn, chưa xa rời hai tướng khác nhau giữa mình và người, chưa đạt được tâm bình đẳng về thọ-xả tương ứng với trí Bình đẳng tánh vô lậu.

Hoặc còn hành xả cho nên không thể an trú trong sự thọ dụng hòa hợp một vị theo sự-trí.

Có nghĩa là bảy địa trở xuống, Bồ-tát còn có dụng công, còn có đạo gia hạnh, còn có phiền não vi tế hiện hành, cho nên chưa thanh tịnh, chưa đạt được pháp Nhẫn vô sinh tùy ý vận dụng, trí Diệu quán sát tương ứng với bình đẳng, hoặc là tâm-hoặc là xả, cho nên không có năng lực an trú thọ dụng hòa hợp một vị theo sự-trí.

Kinh: “Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Sinh! Ví như rất nhiều dòng sông lớn nhỏ chưa đổ vào biển cả, thì mỗi dòng sông đều dựa vào mỗi loại nước khác nhau với lượng nước ít. Lượng nước có thêm-bớt, tùy thuộc vào sự vận chuyển nước, tạo ra mỗi loại nước đều khác nhau, một phần ít nước tựa vào nhau để duy trì sinh mạng của thủy tộc. Nếu các dòng

nước đổ vào biển cả thì không có nơi nương tựa riêng biệt nữa, nước không khác nhau, nước không có hạn lượng nước, không có thêm bớt, mà làm thành nghiệp rộng lớn dựa vào nhau để, duy trì sinh mạng của thủy tộc.

Như vậy, nếu Bồ-tát chưa chứng nhập biển cả pháp giới thanh tịnh của Như Lai, thì mỗi Bồ-tát đều nương tựa riêng biệt vào trí khác nhau-trí ít và trí có thêm bớt. Tùy thuộc vào nghiệp trí của mỗi Bồ-tát đã mà làm thành công hạnh khác biệt. Một phần ít chúng sinh dựa vào trí, mà thiện căn được thành thực. Nếu Bồ-tát đã chứng nhập biển cả pháp giới thanh tịnh của Như Lai, thì không còn chỗ dựa riêng biệt nữa, trí không có khác biệt, trí không có hạn lượng, trí không có thêm bớt, thọ dụng hòa hợp một vị theo sự-trí, là nơi nương tựa cho vô lượng chúng sinh được thành thực thiện căn của mình”.

Luận: Các dòng sông lớn, nghĩa là bốn con sông lớn như Hằng hà... Các dòng sông nhỏ, nghĩa là các sông nhỏ khác.

Chưa đổ vào biển cả mỗi sông đều có chỗ nương tựa riêng, là mỗi mỗi sông nương tựa vào các địa phương.

Nước khác là nước trong-đục và nước tro, nước tốt khác nhau.

Nước ít là so với biển cả.

Nước có thêm-bớt là do sự khác nhau theo lúc mưa ít, mưa nhiều. Tùy thuộc vào nghiệp nước đã tạo, mà mỗi thứ đều khác nhau, tức là các sức mạnh về sự bốc hơi, vị nước, sự thành thực có khác nhau.

Một phần ít nước làm nơi nương tựa duy trì sinh mạng của thủy tộc là một số ít với dung lượng nước ít, làm nơi nương tựa, duy trì sự sống cho chúng sinh loài thủy tộc.

Nếu các dòng sông đều đổ vào biển cả thì không có chỗ tựa riêng biệt là so với trước đã nói, tất cả đều ngược lại, cho nên biết.

Tướng của biển rộng lớn làm nơi nương tựa duy trì, là dựa vào số lượng rộng lớn mà nói.

Như vậy, Bồ-tát chưa chứng nhập biển cả pháp giới của Như Lai, là chưa chứng được pháp giới thanh tịnh của chư Phật cho nên mỗi Bồ-tát đều có chỗ dựa riêng biệt, vì đều có mỗi Đức Như Lai riêng biệt làm nơi nương tựa.

Trí khác biệt, là mỗi Bồ-tát đều có mỗi kiến giải, đã tu tập hoàn thành tốt đẹp riêng biệt.

Trí ít, là so sánh với trí Phật.

Trí có thêm-bớt là các địa cùng so sánh có sự hơn kém, và cùng so sánh chỗ hơn kém của Định.

Tùy thuộc vào nghiệp trí của mỗi Bồ-tát mà làm thành công hạnh khác nhau, vì các Bồ-tát đều quyết định về số lượng riêng biệt, cho nên chỗ tạo tác đều khác nhau. Tùy vào uy lực thắng giải của các Bồ-tát khi duyên với cảnh giới hữu tình, có thể có những điều được tạo tác. Nếu vượt qua sự kiện này thì không chuyển biến, cho nên mỗi hạnh tu tập đều khác nhau.

Một phần ít chúng sinh, là số ít-lượng kém làm nơi nương tựa cho việc thành thực các thiện căn, vì năng lực tăng thượng của các Bồ-tát, tùy thuộc từng phần, khiến cho thiện căn của người khác được thành thực. Định của các Bồ-tát đều so sánh với định của Như Lai, vì số lượng ít cho nên việc làm lợi ích cho các hữu tình cũng ít. Nếu Bồ-tát đã chứng được biển cả pháp giới của Như Lai thì đã chứng ngộ được pháp giới thanh tịnh của chư Phật không còn chỗ tựa riêng biệt, lấy Chân như thanh tịnh làm nơi nương tựa.

Trong cảnh giới vô lậu, không thể kiến lập sự dị biệt giữa chư Phật, hướng là Bồ-tát.

Trí không có sai biệt là trí viên cảnh..., đều là tương tự, vì không có phân biệt sai khác giữa mình và người.

Trí không có hạn lượng, là thấu suốt vô biên cảnh đã được nhận biết.

Trí không có thêm bớt là bình đẳng thanh tịnh, vì nhận biết trùm khắp cảnh giới không có ít-nhiều.

Thọ dụng hòa hợp một vị theo sự-trí, là tất cả việc làm cùng với trí bình đẳng..., đều giống nhau.

Vô lượng chúng sinh, là hoặc về số, hoặc về lượng đều là vô lượng; phước đức-trí-tuệ đều không cùng tận, vì tư lương đều bình đẳng. Do Bồ-tát đã chứng được Pháp thân, đi tới tận cùng giới hạn sinh tử, là nơi nương tựa cho tất cả hữu tình, thành thực được thiện căn.

Có sai biệt giữa hai thí dụ trước và sau. Nghĩa là, thí dụ trước thì nói các Bồ-tát chưa ngộ nhập-đã ngộ nhập, hoặc địa Hoan hỷ, hoặc địa Bất động. Trong thí dụ về biển cả sau lại nói các Bồ-tát chưa nhập-đã nhập hoặc địa Bất động, hoặc địa Như Lai.

Có nghĩa nữa: Cả hai thí dụ đều nói Bồ-tát chưa chứng đắc-đã chứng đắc pháp Nhãn vô sinh. Thí dụ trước thì nói công đức trùm mật của Bồ-tát dụ như rừng tạp. Trong thí dụ sau thì nói công đức của Bồ-tát là vô tận, ví dụ như biển cả.

